

MÃ CHỨNG KHOÁN : TCR

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2012**

Năm 2012

MỤC LỤC

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	13
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	36
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	38
THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	40
THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC	41
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG	43

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera là 01 (một) trong 06 (sáu) Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận cho chuyển đổi thành Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và sản phẩm sứ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
- Tên giao dịch đối ngoại: TAICERA ENTERPRISE COMPANY
- Tên viết tắt: TAICERA
- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84.613) 841 594 - 841 597 Fax: (84.613) 841 598 - 841 592
- Email: tcr@hcm.vnn.vn Website: <http://www.taicera.com>
- Nhãn hiệu thương mại:



- Vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ Công ty: 432,449,470,000 (Bốn trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng.

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera được thành lập năm 1994 do 20 cổ đông người Đài Loan thành lập theo Giấy phép 764/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/1/1994. Tổng vốn đầu tư ban đầu là USD19,500,000, trong đó vốn pháp định là USD 8,500,000. Thời gian hoạt động đăng ký là 30 năm. Chức năng hoạt động là sản xuất gạch thạch anh, gạch men và các sản phẩm sứ. Trụ sở nhà máy đặt tại Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Nhận thấy những thay đổi tích cực trong môi trường kinh doanh tại Việt nam, Công ty đã liên tục mở thêm chi nhánh ở các thành phố, địa bàn trọng điểm; tăng thời hạn hoạt động lên 50 năm và điều chỉnh tăng vốn đầu tư để mở rộng thêm dây chuyền sản xuất và bổ sung chức năng hoạt động. Đến nay, Taicera đã có 06 chi nhánh tại Tp HCM, Tp Hà Nội, Tp Đà Nẵng, Tp Cần Thơ, Tp Nha Trang và Tp Hải Phòng nhằm hỗ trợ việc phân phối sản phẩm tới các địa bàn lân cận. Cụ thể như sau:

- Miền Nam: chi nhánh Tp Hồ Chí Minh phân phối sản phẩm cho Tp Hồ Chí Minh, Thủ Đức, Biên Hòa, Đồng Nai v.v...

- Miền Tây Nam Bộ: chi nhánh tại Cần Thơ cung cấp sản phẩm cho Cần Thơ và các tỉnh Long An, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu v.v...

- Miền Bắc: chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng phân phối cho Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Giang, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hải Dương, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Hà, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Thái Bình v.v...

Miền Trung: Công ty thành lập 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Nha Trang để phân phối sản phẩm cho Đà Nẵng, Nha Trang và các tỉnh Quy Nhơn, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Bảo Lộc, Buôn Ma Thuật, Phan Rang, Phan Thiết v.v...

Bên cạnh thị trường nội địa, sản phẩm gạch của Taicera đã bắt đầu thâm nhập thị trường nước ngoài từ năm 1998 với 2 thị trường Campuchia, Miến Điện; năm 1999 thêm thị trường Malaysia, Singapore; năm 2000 thêm Philippines; năm 2001 phát triển thêm thị trường Hàn Quốc và Đài Loan; năm 2002 sản phẩm đã đến Úc và Nhật Bản. Năm 2006, 2007 và 2008, 2009 tỷ trọng sản lượng xuất khẩu của Công ty chiếm lần lượt là 61%; 74%; 56% và 52% tổng sản lượng tiêu thụ.

Vốn đầu tư của Công ty liên tục tăng, từ 19,500,000 USD năm 1994 tăng lên 39,500,000 USD vào năm 1997; 49,500,000 USD năm 2000 và 66,166,667 USD năm 2005. Vốn pháp định tương ứng qua các năm là 8,500,000 USD; 11,850,000 USD; 14,850,000 USD và 19,850,000 USD.

Trải qua hơn 10 năm phát triển, Taicera đã xây dựng thành công một mô hình doanh nghiệp bằng sự kết hợp hài hòa giữa kỹ năng, trình độ quản lý của Đài Loan với văn hóa, con người và môi trường Việt Nam. Điểm căn bản tạo nên nền tảng chuyên nghiệp của mô hình này chính là ở sự đầu tư cơ bản về hệ thống quản lý và những chính sách nhân sự, tài chính linh hoạt và hiệu quả.

Ngày 15/4/2003, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 38 cho phép các công ty có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Taicera nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tạo kênh huy động vốn mới, đa dạng hóa hình thức đầu tư, tạo cho các tổ chức và cá nhân có cơ hội mua lại cổ phần của Công ty. Việc chuyển đổi cũng làm thay đổi số lượng chủ sở hữu doanh nghiệp, tạo điều kiện cho Công ty cải tạo cơ cấu tài chính, tăng tỷ lệ huy động vốn từ các cổ đông, tự do hơn trong việc huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất,

giúp thay đổi tỷ lệ giữa vốn pháp định và vốn vay, tránh những điều ràng buộc khi phải vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng.

Công ty đã nộp Hồ sơ xin chuyển đổi lên Bộ kế hoạch và Đầu tư và chính thức được chấp thuận chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài vào ngày 09/08/2005 theo Giấy phép số 764-CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với giá trị vốn điều lệ là 250.05 tỷ đồng với 29 cổ đông góp vốn.

Ngày 08/11/2006, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 65/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 5,000,000 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 250.05 lên 300.05 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn hoàn tất vào ngày 19/12/2006 với tổng số phát hành là 4,969,000 cổ phần.

Ngày 06/06/2007, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 753/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 3,596,831 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 299.7 tỷ lên 335.7 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 23/07/2007 với tổng số phát hành là 3,596,831 cổ phần.

Ngày 09/07/2008, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 1362/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 2,014,220 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 335.7 tỷ lên 355.8 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 04/9/2008 với tổng số phát hành là 2,014,220 cổ phần.

Ngày 25/5/2009, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,423,352 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2008, tăng vốn điều lệ từ 355.8 tỷ lên 370 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 28/9/2009 với tổng số phát hành là 1,423,352 cổ phần.

Ngày 25/5/2010, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,480,246 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 370 tỷ lên 384.88 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 1/08/2010 với tổng số phát hành là 1,480,246 cổ phần.

Ngày 25/5/2011, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,309,117 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2010, tăng vốn điều lệ từ 385 tỷ lên 407.97 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 20/07/2011 với tổng số phát hành là 2,309,117 cổ phần.

Ngày 18/5/2012, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,447,587 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2011, tăng vốn điều lệ từ 408 tỷ lên 432.45 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 30/08/2012 với tổng số phát hành là 2,447,587 cổ phần.

2. Quá trình phát triển

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2.2 Tình hình hoạt động

2.2.1 Sản lượng sản phẩm

Hiện nay, Công ty đang cung cấp hai dòng sản phẩm chính là gạch men và gạch thạch anh.

- Gạch men, bao gồm: gạch ốp tường, gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*25; 20*30; 25*25; 25*33; 25*40; 30*30; 30*45; 40*40; 50*50; 60*60; 80*80; 100*100 gạch viền và điềm, gạch tranh, gạch cắt thủy lực (Đơn vị tính: cm).

Gạch thạch anh (gạch granite) là loại gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*27; 30 thạch anh; 30 bóng kiếng; 40 thạch anh; 40 bóng kiếng; 50 bóng kiếng; 60 bóng kiếng; 80 bóng kiếng; 100 bóng kiếng; gạch cắt nước, gạch cầu thang và chân tường (Đơn vị tính: cm).

2.2.2 Nguyên vật liệu

a. Các nguyên vật liệu chính

- Thổ liệu: Chủ yếu là trường thạch, cát, thổ 3 loại.
- Men liệu: Chủ yếu là men lót, men mặt, men in 3 loại.
- Phụ gia: Chất giải keo, chất tăng độ cứng, chất cố định.

b. Nguồn nguyên vật liệu

- Thổ liệu: chủ yếu tại Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc
- Men liệu: chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam
- Phụ gia: Chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan

c. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Chính phủ nâng cao thuế nhập khẩu nguyên liệu, do đó công ty tăng cường khai thác sử dụng nguyên liệu trong nước. Tuy nhiên, cho đến nay chính sách của Trung Quốc và Việt Nam vẫn chưa có sự thay đổi lớn, nên sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên liệu không bị ảnh hưởng đáng kể.

d. Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên liệu

Công ty không ngừng tìm các nhà cung ứng với giá cả không cao từ Trung Quốc và Việt Nam, và tích cực cải tiến công thức phối liệu gạch thay thế bằng những nguyên liệu giá cả rẻ, nhằm mục đích hạn chế tăng giá thành sản xuất

2.2.3 Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

2.2.4 Trình độ công nghệ

▪Trình độ công nghệ

Các dây chuyền sản xuất của Taicera được đầu tư với công nghệ của Italia hiện đại nhất tại Việt Nam.

Công ty đã thiết lập xưởng sản xuất tại Khu công nghiệp Gò Dầu rất thuận lợi về khuyến khích đầu tư và chiến lược quản lý chi phí lâu dài. Hiện Công ty có 3 xưởng sản xuất và 1 xưởng gia công tăng giá trị:

- Xưởng 1 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch men được đầu tư năm 1995 với chức năng sản xuất gạch men.
- Xưởng 2 gồm 2 dây chuyền sản xuất, được đầu tư năm 1999 và 2001 với chức năng sản xuất cả gạch men và thạch anh.
- Xưởng 3 gồm 3 dây chuyền sản xuất gạch thạch anh mài bóng trên diện tích đất đã thuê 6,8 ha với Công ty Sonadezi Biên Hòa ngày 01/09/2004.
- Xưởng gia công gồm 5 dây chuyền mài với chức năng gia công sản phẩm.

▪Công suất hoạt động hiện nay của nhà máy

Công suất hoạt động của nhà máy hiện nay trung bình là 30.000 m² /ngày tùy thuộc vào loại gạch được sản xuất.

▪Kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất

Công ty đã tìm hiểu qui hoạch tổng thể của Chính phủ Việt Nam về xây dựng và giao thông, chẳng hạn như dự án xây dựng 3 đường vành đai ở Sài Gòn. Nhìn từ xu thế của Việt Nam hiện nay, sản phẩm cao cấp sẽ là trào lưu chủ yếu trong tương lai ở thị trường này.

2.2.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là lâu dài nhằm thỏa mãn thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu những ưu việt của sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng sự lựa chọn phong phú. Việc nghiên cứu phát triển tại Công ty luôn được quan tâm thực hiện.

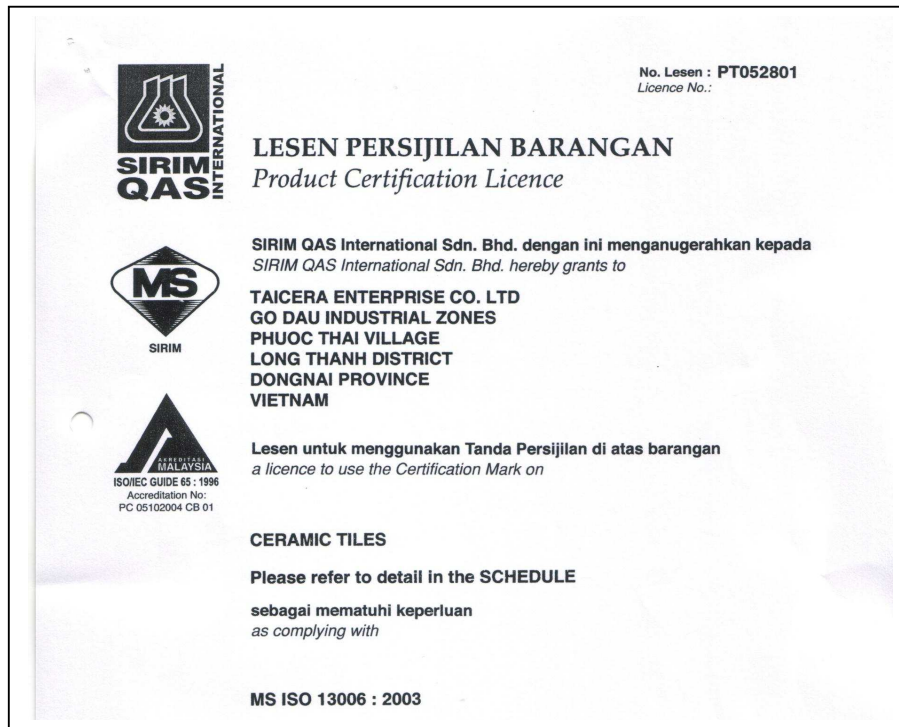
Biện pháp nâng cao chất lượng:

- Tự kiểm tra, khống chế chất lượng trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện theo hệ thống chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh để sản phẩm đạt đến tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

2.2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Các chứng chỉ và hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm :

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 06/07/2000 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2003, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 11/03/2005 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.



2.2.7 Hoạt động Marketing

Sản phẩm

Chiến lược sản phẩm của công ty trong tương lai sẽ được chú trọng như sau:

a. Sản phẩm chính:

- Các sản phẩm mài bóng: 100x100, 80x80, 60x60, 40x40 (bao gồm gạch nhiều ống, hạt mịn, in thắm v.v...).
- Sản phẩm gạch thạch anh: 40x40, 30x30 (bao gồm gạch men thường, hạt mè v.v...).
- Các sản phẩm gạch giả cổ: 60x30, 30x30, 40x40.
- Các sản phẩm phát minh mới: 80x80, 60x60, 40x40.

b. Sản phẩm phối hợp:

- Các sản phẩm gạch men ốp tường: 20x30, 20x25, 25x33, 30x45.
- Các sản phẩm gạch men lát nền: 20x20, 25x25, 30x30, 40x40.

- Sản phẩm gạch viên gia công: gia công gạch viên, gạch chân tường, gạch cầu thang, gạch cắt thủy lực.

Phân phối

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Cụ thể, Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Như vậy, sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

2.2.8 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền*

a. Nhãn hiệu Taicera

- Giấy Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 16917 ngày 31/05/1995 và quyết định gia hạn số A 7158/QĐ- ĐK ngày 04 /10/2004 do Cục Sở hữu Công nghiệp – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp.

- Thời hạn bảo hộ: từ ngày 28/10/1994 đến ngày 28/10/2014

b. Nội dung bảo hộ:

▪ Mẫu nhãn hiệu thương hiệu:

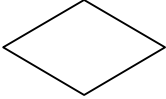
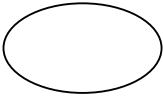
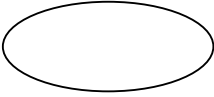


Hình 8: *Nhãn hiệu Taicera*

▪ Màu sắc nhãn hiệu: đỏ, trắng

▪ Ý nghĩa:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Biểu tượng	Định nghĩa thực thể	Định nghĩa logic
	Thể hiện hình gạch men	Bên trong hình vuông, thể hiện tính nguyên tắc
	Thể hiện hình địa cầu	Bên ngoài tròn, thể hiện sự thông thoáng, toàn vẹn
	Thể hiện mặt địa cầu	Vững vàng, không thay đổi, làm vừa lòng khách hàng
TAICERA	Tên Công ty	Tên viết tắt: TCR - T: Trust (Uy tín) - C: Classic (Chất lượng) - R: Revolutions (Sáng tạo)

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG KẾT CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

1. Khái quát tình hình kinh doanh công ty và tình hình kinh tế năm 2012

Lượng tiêu thụ của Công ty trong năm 2012 là trên **11.130.000 m²**, tăng **3,76%** so với năm 2011, doanh thu bán hàng đạt **1.680,2 tỷ** đồng, tăng **15,69%** so với năm 2011, lợi nhuận sau thuế là **3,53 tỷ** đồng, so với năm 2011, lợi nhuận sụt giảm đáng kể, từ các số liệu trên, cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012 chưa đạt được mục tiêu như mong đợi.

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước năm 2012, đặc biệt là ngành bất động sản, tình hình không được tốt như mong đợi, riêng nền kinh tế của Việt Nam, mặc dù có tốt hơn nhiều so với năm 2011, nhưng các chi phí giá thành bao gồm chi phí sản xuất như nguyên liệu, điện nước, khí gas, lương công nhân... đều không ngừng tăng. Trong đó, khí gas tăng cao với biên độ 50%, ảnh hưởng tới giá thành chi phí sản xuất vẫn đứng ở mức cao, làm bị thâm hụt lợi nhuận.

Trước tình hình khó khăn như vậy, trong sản xuất công ty Taicera tìm kiếm nguồn nguyên liệu có giá thành thấp hơn để thay thế, tăng cường tự động hóa máy móc thiết bị, cải thiện quy trình sản xuất để tối ưu hóa, nhằm giảm bớt giá thành chi phí sản xuất. Về mặt bán hàng, dòng sản phẩm đa dạng hóa, nâng cao giá trị kèm theo của sản phẩm, để đáp ứng nhu cầu của thị trường, đồng thời, ngoài việc đưa sản phẩm đến với thị trường Việt Nam và thị trường nước ngoài thông qua kênh bán hàng sẵn có, công ty đồng thời còn tăng cường phát triển thị trường Châu Âu và Châu Mỹ. Năm 2012 dưới sự nỗ lực của toàn thể anh chị em công nhân viên công ty, đã vượt qua một năm đầy khó khăn, doanh thu bán hàng mặc dù có tăng lên, nhưng lợi nhuận chưa đạt được như mục tiêu đề ra.

Hội đồng quản trị công ty luôn giữ vững thái độ tích cực, triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2012 đã hoàn thành các công việc sau: chuyển 1 phần lợi nhuận sau thuế của năm 2011 thành vốn đầu tư với số vốn tăng thêm là **24.475.878.000** đồng, thông qua phương thức phát hành thêm cổ phiếu mới để chi trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phần phát hành thêm là **2.447.587cp**; trong số đó đã thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung **558.662** cổ phiếu, tính đến thời điểm cuối năm 2012, tổng vốn Điều lệ Công ty là **432.449.470.000** đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012**Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2011-2012:***Đơn vị tính: m²*

Năm	2011		2012	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	5.426.832	5.301.802	5.668.153	5.463.964
Tỷ trọng(%)	51%	49%	51%	49%
Lượng tiêu thụ cả năm	10.728.634		11.132.117	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm(%)				3,76%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2011-2012*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu bán hàng	1.452.321.824.450	1.680.221.486.409
Các khoản giảm trừ	30.243.439.879	28.301.195.287
Doanh thu thuần về bán hàng	1.422.078.384.571	1.651.920.291.122
Giá vốn hàng bán	1.084.812.580.230	1.386.528.950.957
Lợi nhuận gộp về bán hàng	337.265.804.341	265.391.340.165
Lợi nhuận thuần trước thuế	99.257.609.725	5.025.333.065
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.200.573.445	1.498.560.359
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	443.604.579	123.151.731
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	80.613.431.701	3.403.620.975
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	5,55%	0,21%

3. Kết luận:

Tổng kết tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty, nhìn chung hiệu suất kinh doanh đạt được trong năm 2012 chưa đạt đến như mong đợi, nhưng dưới bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn như vậy, công ty có thể vượt qua những khó khăn, phải cảm ơn sự nỗ lực cố gắng và phối hợp của toàn thể công nhân viên Công ty, đối với môi trường kinh tế và lợi nhuận của công ty trong năm 2013, chúng tôi cũng tự tin và đặt niềm hy vọng tràn đầy, sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng để hoàn thành mục tiêu dự kiến và tích cực đạt được sự kỳ vọng mong đợi của cổ đông với Công ty.

TM.Hội đồng quản trị

Chủ tịch



CHEN SIN SIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2013

Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2013 vẫn không lạc quan lắm. Chỉ số giá tiêu dùng trong nước của Việt Nam đã ổn định hơn so với năm 2012, chính phủ cũng đã đề ra một số biện pháp khuyến khích nhằm kích thích nền kinh tế trong nước, mặc dù tình hình kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục hẳn, công ty mong đợi hiệu suất hoạt động kinh doanh trong năm 2013 sẽ ổn định hơn so với năm 2012. Với các kế hoạch hoạt động kinh doanh như sau:

Về bán hàng:

Về thị trường nội địa của Việt Nam, thị trường Châu Á, thị trường Úc cũng như thị trường Châu Âu (bao gồm các nước liên minh Châu Âu) của công ty hiện tại đều trong giai đoạn phát triển bền vững, ngoài ra, để có thể sinh tồn trong một môi trường trong nước và quốc tế với tốc độ thay đổi nhanh chóng, công ty vẫn cần có một chính sách phát triển trong một thị trường ổn định. Lấy ví dụ, về thị trường trong nước, trong thời gian vừa qua do sự thay đổi của tình hình quốc tế, một số công ty Nhật Bản đang tìm kiếm nguồn cung ứng ổn định, đã nhiều lần đến Việt Nam thu mua, công ty cũng nhân cơ hội này, tạo mối quan hệ sâu sắc hơn với thị trường Nhật, gia tăng tỷ lệ xuất khẩu. Với thị trường nước ngoài, tiếp tục củng cố đẩy mạnh kênh bán hàng Taicera-Keraben company mà công ty đã xây dựng cùng với Keraben-1 công ty lớn của Tây Ban Nha, bên cạnh đó tăng cường tuyển bán hàng của nhãn hiệu TKG với dòng sản phẩm chính là sản phẩm gạch cao cấp, nhằm mở rộng hơn kênh bán hàng của công ty, càng thâm nhập vào cơ sở hạ tầng.

Về sản xuất:

Năm 2012 công ty có đầu tư **15.000.000USD**, hoàn thành tăng thêm một dây chuyền sản xuất hiện đại hóa nhất, sản lượng dây chuyền mới này có thể đạt được trong năm 2013 giúp cho công ty có thể sử dụng linh hoạt dây chuyền mới và cũ để sản xuất ra những sản phẩm có giá trị kèm theo cao hơn, tăng sức cạnh tranh của công ty, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời có thể khiến cho việc sản xuất càng chuyên môn hóa hơn, tính linh hoạt cao hơn, để công ty trở thành một trong những nhà cung cấp gạch cạnh tranh nhất thế giới. Mục tiêu kinh doanh của công ty trong năm 2013 với tổng sản lượng dự kiến đạt được là **11.280.000m²**, doanh thu dự kiến đạt 1.751 tỷ đồng.

Quản lý tài chính:

Tăng vốn Điều lệ:

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2013 của Công ty, đồng thời cải thiện cơ cấu tài chính Công ty, giảm bớt chi phí lãi vay, dự kiến thực hiện tăng vốn Điều lệ **12,97** tỷ đồng, phương thức phát hành thêm tăng vốn cụ thể như sau:

Chuyển lợi nhuận năm 2011 với số tiền **12.971.815.200** đồng để tăng vốn, bằng cách phát hành **1.297.181** cổ phiếu, dùng để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông.

Kết luận:

Dự báo tình hình ngành công nghiệp gạch men năm 2013, vẫn chưa được tốt, nhưng với công ty có đầy đủ trang thiết bị sản xuất hiện đại hóa nhất và hệ thống bán hàng hoàn chỉnh, đồng thời tiếp tục tăng cường quản lý sản xuất, quản lý nội bộ công ty và giảm bớt giá thành chi phí sản xuất và chi phí quản lý, công ty tin rằng sẽ vượt qua thử thách của năm 2013 và đạt được mục tiêu mong đợi.

**TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		810.600.439.641	733.332.987.313
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		173.277.747.638	187.270.731.087
111	1. Tiền	03	131.277.747.638	187.270.731.087
112	2. Các khoản tương đương tiền		42.000.000.000	
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04		8.891.713.564
121	1. Đầu tư ngắn hạn			8.891.713.564
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		172.991.047.990	169.099.948.345
131	1. Phải thu khách hàng		142.800.389.986	150.163.413.439
132	2. Trả trước cho người bán		12.439.674.834	2.664.681.908
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	05	18.214.002.797	16.683.395.350
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(463.019.627)	(411.542.352)
140	IV. Hàng tồn kho		429.428.084.654	290.801.790.605
141	1. Hàng tồn kho	06	430.486.824.688	291.277.357.639
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.058.740.034)	(475.567.034)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		34.903.559.359	77.268.803.712
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.942.134.648	6.872.779.542
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.609.247.100	57.634.120.164
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	07	2.571.594.622	1.936.690.956
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		780.582.989	10.825.213.050
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		835.109.222.935	846.136.768.242
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
220	II. Tài sản cố định		821.282.589.317	836.562.153.427
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	772.575.133.688	408.201.400.333
222	- Nguyên giá		1.481.209.133.918	1.034.397.265.772
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(708.634.000.230)	(626.195.865.439)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	48.707.455.629	428.360.753.094
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	V. Lợi thế thương mại			
270	VI. Tài sản dài hạn khác		13.826.633.618	9.574.614.815
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	10.948.881.542	8.435.790.109
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác		2.877.752.076	1.138.824.706
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.645.709.662.576	1.579.469.755.555



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		3.929.442,67	7.553.391,59
- Euro (EUR)		6.482,62	815,14
- Yên Nhật (JPY)		4.111.934,00	4.112.847,00
- Peso Philippine (PHP)		170,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.680.221.486.409	1.452.321.824.450
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	28.301.195.287	30.243.439.879
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.651.920.291.122	1.422.078.384.571
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.386.528.950.957	1.084.812.580.230
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.391.340.165	337.265.804.341
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	9.382.400.304	22.363.553.144
22	7. Chi phí tài chính	23	41.557.167.669	55.850.839.081
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		32.816.820.604	15.638.275.889
24	8. Chi phí bán hàng		152.540.188.360	141.906.018.524
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		80.151.733.188	66.564.184.806
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		524.651.252	95.308.315.074
31	11. Thu nhập khác		5.017.129.438	4.058.685.219
32	12. Chi phí khác		516.447.625	109.390.568
40	13. Lợi nhuận khác		4.500.681.813	3.949.294.651
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.025.333.065	99.257.609.725
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	1.498.560.359	18.200.573.445
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.526.772.706	81.057.036.280
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		123.151.731	443.604.579
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		3.403.620.975	80.613.431.701
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	79	1.976

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚT TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

		Đơn vị tính: VND		
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.680.221.486.409	1.452.321.824.450
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	28.301.195.287	30.243.439.879
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.651.920.291.122	1.422.078.384.571
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.386.528.950.957	1.084.812.580.230
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.391.340.165	337.265.804.341
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	9.382.400.304	22.363.553.144
22	7. Chi phí tài chính	23	41.557.167.669	55.850.839.081
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		32.816.820.604	15.638.275.889
24	8. Chi phí bán hàng		152.540.188.360	141.906.018.524
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		80.151.733.188	66.564.184.806
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		524.651.252	95.308.315.074
31	11. Thu nhập khác		5.017.129.438	4.058.685.219
32	12. Chi phí khác		516.447.625	109.390.568
40	13. Lợi nhuận khác		4.500.681.813	3.949.294.651
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.025.333.065	99.257.609.725
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	1.498.560.359	18.200.573.445
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.526.772.706	81.057.036.280
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		123.151.731	443.604.579
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		3.403.620.975	80.613.431.701
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	79	1.976

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2012	Năm 2011
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(14.063.326.000)	69.978.881.772
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		187.270.731.087	115.156.462.393
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		70.342.551	2.135.386.922
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	173.277.747.638	187.270.731.087

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Cheng Jen
Chen Cheng Jen



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Ngày 12 tháng 11 năm 2012, Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười hai, theo đó: vốn điều lệ của Công ty là 432.449.470.000 đồng, tổng số cổ phần là 43.244.947, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 14.562.777 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

- UNION TIME ENTERPRISE LIMITED nắm giữ 12.626.691 cổ phần.
- Ông CHEN, WEN-CHIA nắm giữ 144.303 cổ phần.
- Bà LIN, YU-LAN nắm giữ 144.303 cổ phần.
- Bà CHENG, YEU-CHYI nắm giữ 144.303 cổ phần.
- Ông CHEN, SIN-SIANG nắm giữ 1.503.177 cổ phần.

Tổng số cổ phiếu ghi tên do các cổ đông sáng lập nước ngoài nắm giữ phải bảo đảm tương ứng với giá trị cổ phần ít nhất bằng 30% vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Hoạt động chính của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty"):

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

1.4 Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con

- | | |
|---------------|---|
| ▪ Tên công ty | Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Taiware |
| Địa chỉ | KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai. |
| Vốn điều lệ | 2.000.575.420 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 55,00% |
| ▪ Tên công ty | Công ty TNHH Phát Triển Taicera |
| Địa chỉ | Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM |
| Vốn điều lệ | 21.204.134.400 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 51,00% |
| ▪ Tên công ty | Công ty TNHH Taicera Keraben |
| Địa chỉ | KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai. |
| Vốn điều lệ | 14.482.440.000 VND |
| Tỷ lệ góp vốn | 51,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

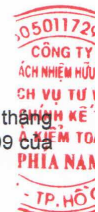
Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	10% - 16%
- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12,5%

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành 15%.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
- Tiền mặt	2.011.559.584	1.981.515.370
- Tiền gửi ngân hàng	129.266.188.054	185.289.215.717
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	42.000.000.000	
Cộng	173.277.747.638	187.270.731.087

4. ĐẦU TƯ NGÁN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
- Tiền gửi có kỳ hạn		8.891.713.564
Cộng		8.891.713.564

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội	6.857.815	
- Phải thu khác	18.207.144.982	16.683.395.350
+ Phải thu lại tiền thuế TNCN trả thay cho nhân viên Jin Cang	424.348.763	224.399.963
+ Trợ cấp thôi việc	3.529.037.865	3.623.939.174
+ Phải thu Công ty Phát triển nhà Quận 2 (ứng trước tiền thuê đất)	13.379.714.220	11.773.289.400
+ Khác	874.044.134	1.061.766.813
Cộng	18.214.002.797	16.683.395.350

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
- Nguyên liệu, vật liệu	129.220.601.698	138.623.850.299
- Công cụ, dụng cụ	14.409.987.933	10.705.928.246
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.508.524.787	17.914.017.347
- Thành phẩm	261.347.710.270	124.033.561.747
- Hàng hóa		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa bất động sản		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	430.486.824.688	291.277.357.639

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế GTGT đầu ra		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.571.594.622	1.936.690.956
- Thuế TNCN nộp thừa		
- Các khoản khác phải thu nhà nước		
Cộng	2.571.594.622	1.936.690.956

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỖ SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Đơn vị tính: VND						
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	234.943.493.950	693.062.280.353	31.132.048.692	11.245.521.125	64.013.921.652	1.034.397.265.772
2. Số tăng trong kỳ	56.937.283.256	394.293.515.414	4.216.597.348	143.077.527	5.626.740.436	461.217.213.981
- Mua sắm mới		20.523.361.016	2.315.454.545	143.077.527	5.626.740.436	28.608.633.524
- Đầu tư XD CB hoàn thành		373.770.194.398				430.707.437.654
- Tăng khác	56.937.283.256		1.901.142.803			1.901.142.803
3. Số giảm trong kỳ			2.359.663.735		12.045.682.100	14.405.345.835
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư			518.555.550		12.045.682.100	12.564.237.650
- Thanh lý, nhượng bán			1.841.108.185			1.841.108.185
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	291.880.777.206	1.087.355.795.767	32.988.982.305	11.388.598.652	57.594.979.988	1.481.209.133.918
III. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	76.272.862.602	485.857.132.191	12.864.100.479	5.661.470.764	45.540.299.403	626.195.865.439
2. Số tăng trong kỳ	9.854.854.742	77.622.193.885	3.672.219.346	1.004.280.853	3.542.681.751	95.696.230.577
- Khấu hao trong kỳ	9.854.854.742	77.622.193.885	3.242.948.197	1.004.280.853	3.542.681.751	95.266.959.428
- Tăng khác			429.271.149			429.271.149
3. Số giảm trong kỳ			1.212.413.686		12.045.682.100	13.258.095.786
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			504.355.077		12.045.682.100	12.550.037.177
- Giảm khác			708.058.609			708.058.609
4. Số dư cuối kỳ	86.127.717.344	563.479.326.076	15.323.906.139	6.665.751.617	37.037.299.054	708.634.000.230
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	158.670.631.348	207.205.148.162	18.267.948.213	5.584.050.361	18.473.622.249	408.201.400.333
Tại ngày cuối kỳ	205.753.059.862	523.876.469.691	17.665.076.166	4.722.847.035	20.557.680.934	772.575.133.688



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	48.707.455.629	428.360.753.094
Trong đó:		
+ Hệ thống ERP	4.439.021.699	4.223.701.835
+ Nhà xưởng mới - Khu công nghiệp Mỹ Xuân		6.564.541.224
+ Hệ thống máy ép		93.857.837.652
+ Hệ thống lò nung		3.163.854.802
+ Hệ thống sấy phun		123.367.984.548
+ Dây chuyền tráng men		4.809.653.416
+ TSCĐ khu thử liệu		17.206.536.056
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 4	25.080.996.880	24.596.329.413
+ Đầu tư TSCĐ khác cho nhà xưởng mới		145.541.930.198
+ Chi phí xây dựng tường rào	236.670.455	236.670.455
+ Chi phí thiết kế công trình	204.750.000	204.750.000
+ Chi phí khảo sát địa chất	59.090.909	59.090.909
+ Chi phí san lấp mặt bằng	1.570.380.311	1.570.380.311
+ Chi phí tư vấn thuê đất Quận 2	139.836.000	139.836.000
+ Mua sắm TSCĐ khác	16.976.709.375	2.817.656.275
Cộng	48.707.455.629	428.360.753.094

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
- Lót gạch lò nung xưởng 3	7.207.034.255	1.304.914.632
- Tiền thuê đất KCN Mỹ Xuân A	2.697.213.119	5.394.426.238
- Chi phí công cụ dụng cụ		37.356.392
- Chi phí trước thành lập	412.000.000	412.000.000
- Chi phí sử dụng thương hiệu	474.744.705	1.246.886.109
- Bi nghiền của HT máy nghiền mới X 3		
- Khác	157.889.463	40.206.738
Cộng	10.948.881.542	8.435.790.109

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn	437.811.624.972	325.904.307.966
- Vay ngắn hạn	437.811.624.972	325.904.307.966
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	41.329.944.282	54.394.871.555
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	25.678.497.186	23.883.358.253
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - chi nhánh Nhơn Trạch	197.574.122.886	118.830.409.334
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	83.115.319.722	83.283.883.241
+ Ngân hàng Huanan	30.076.971.453	3.044.220.480
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	5.051.022.019	11.225.564.686
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai	18.900.646.532	31.242.000.417
+ Ngân hàng China Trust	21.930.900.892	
+ Ngân hàng Fubon TW	14.154.200.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	62.046.829.865	58.468.744.835
- Nợ dài hạn đến hạn trả - VND	62.046.829.865	58.468.744.835
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM		34.659.478.443
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	14.782.390.872	4.275.072.176
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	12.951.581.736	5.201.349.364
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	10.528.334.405	4.632.612.914
+ Ngân hàng Fubon Hà Nội	23.784.522.852	9.700.231.938
Cộng	499.858.454.837	384.373.052.801

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế giá trị gia tăng	384.275.073	244.499.321
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	123.836.868	317.338.902
- Thuế thu nhập cá nhân	20.667.403	40.712.884
- Thuế nhà đất		
- Thuế khác		
Cộng	528.779.344	602.551.107

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
- Lãi vay	1.226.844.564	322.219.381
- Dịch vụ đảm bảo chất lượng gạch mài bóng	13.206.410.188	18.592.076.123
- Phí hoa hồng bán hàng		5.856.954.105
- Phí sử dụng nhãn hiệu		4.165.599.928
- Phí nhập khẩu và xuất khẩu	514.485.911	
- Phí kiểm toán năm 2012	128.612.900	
- Thuế nhà thầu	356.930.257	
- Trích trước chi phí tiền điện, tiền vận chuyển, tiền cơm	1.494.525.463	
- Chi phí phải trả khác	1.352.797.590	2.666.573.261
Cộng	18.280.606.873	31.603.422.798

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
- Kinh phí công đoàn		156.603.614
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế		2.733.262
- Bảo hiểm thất nghiệp		4.032.847.425
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.526.711.952	930.585.999
+ Thủ lao và cổ tức phải trả	3.485.490	2.251.777.426
+ Các khoản tạm thu phải trả	1.498.226.462	850.484.000
+ Khác	25.000.000	
Cộng	1.526.711.952	4.192.184.301

15. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
Vay dài hạn	170.170.951.624	204.683.058.344
- Vay dài hạn - VND	170.170.951.624	204.683.058.344
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	36.955.965.107	55.575.938.916
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	38.854.627.396	41.610.784.078
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	28.952.919.406	34.744.595.606
+ Ngân hàng Fubon Hà Nội	65.407.439.715	72.751.739.744
Nợ dài hạn		
Cộng	170.170.951.624	204.683.058.344



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2012

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND						
Vốn đầu tư của chủ sở hữu					Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	384.882.430.000	86.520.960.000	(29.507.800)	2.433.691.247	124.680.271.702	34.392.930.476
Tăng vốn trong năm trước	23.091.170.000		(12.717.600)		(23.091.170.000)	
Lãi trong năm trước					80.613.431.701	
Tăng khác				2.199.217.643		
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận					(15.607.123.788)	12.485.699.031
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát					(1.248.569.903)	3.121.424.757
Chia cổ tức					(23.091.176.400)	
Giảm khác				(2.433.691.247)		(2.375.448.075)
Số dư đầu năm	407.973.600.000	86.520.960.000	(42.225.400)	2.199.217.643	142.255.663.312	46.878.629.507
Tăng vốn trong kỳ	24.475.870.000		(13.334.000)		(24.475.870.000)	
Lợi nhuận trong kỳ					3.403.620.975	
Tăng khác						
Giảm vốn trong kỳ						
Chia cổ tức					(24.475.877.532)	
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận					(20.153.357.925)	4.030.671.585
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát					(1.612.268.631)	
Giảm khác				(2.199.217.643)		(749.129.238)
Số dư cuối kỳ	432.449.470.000	86.520.960.000	(55.559.400)		74.941.910.199	63.001.315.847
						7.584.817.758

Thăng dư vốn cổ phần thể hiện khoản tiền vượt trội thu được từ việc phát hành cổ phiếu mới so với mệnh giá cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA

Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

16. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của các cổ đông	432.393.910.000	407.931.380.000
Cổ phiếu quỹ	55.560.000	42.220.000
Cộng	432.449.470.000	407.973.600.000

16. c) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
- Quỹ đầu tư phát triển	63.001.315.847	46.878.629.507
- Quỹ dự phòng tài chính	7.584.817.758	4.303.275.411
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	70.586.133.605	51.181.904.918

16. d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.244.947	40.797.360
- Cổ phiếu phổ thông	43.244.947	40.797.360
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	5.556	4.222
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.239.391	40.793.138
- Cổ phiếu phổ thông	43.239.391	40.793.138
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

16. đ) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển mục đích sử dụng chủ yếu cho việc nâng cấp máy móc, thiết bị nhà xưởng.
- Quỹ dự phòng tài chính mục đích để dự phòng tài chính cho năm sau (liên quan đến tài chính các công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

17. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý cho năm tài chính 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	784.030.749.893	867.889.541.229	1.651.920.291.122
Doanh thu giữa các bộ phận			
Cộng	784.030.749.893	867.889.541.229	1.651.920.291.122
Kết quả kinh doanh	15.519.725.641	17.179.692.976	32.699.418.617
Doanh thu tài chính	6.715.874.374	2.666.525.930	9.382.400.304
Chi phí tài chính			(41.557.167.669)
Thu nhập khác			5.017.129.438
Chi phí khác			(516.447.625)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(1.498.560.359)
Lợi ích cổ đông thiểu số			(123.151.731)
Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			3.403.620.975

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	138.633.470.792	83.087.770.175	221.721.240.967
Tài sản không phân bổ			1.423.988.421.609
Tổng tài sản			1.645.709.662.576
Nợ phải trả của bộ phận	180.021.492.453	113.423.943.392	293.445.435.845
Nợ phải trả không phân bổ			670.029.406.461
Tổng nợ phải trả			963.474.842.306

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Hoạt động đầu tư	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận bán ra bên ngoài	1.651.920.291.122		1.651.920.291.122
Tài sản của bộ phận	1.645.709.662.576		1.645.709.662.576

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
- Doanh thu bán hàng	1.680.221.486.409	1.452.321.824.450
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	1.680.221.486.409	1.452.321.824.450

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
- Chiết khấu thương mại	26.188.848.194	29.369.763.674
- Giảm giá hàng bán	113.171.705	159.677.688
- Hàng bán bị trả lại	1.999.175.388	713.998.517
Cộng	28.301.195.287	30.243.439.879

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
- Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1.651.920.291.122	1.422.078.384.571
- Doanh thu thuần dịch vụ		
Cộng	1.651.920.291.122	1.422.078.384.571

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	1.386.528.950.957	1.084.812.580.230
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	1.386.528.950.957	1.084.812.580.230

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.050.548.596	2.505.727.735
- Cổ tức lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.666.525.930	18.454.370.367
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.704.912.840	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	960.412.938	1.403.455.042
Cộng	9.382.400.304	22.363.553.144

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Chi phí lãi vay	32.816.820.604	15.638.275.889
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.828.401.081	28.300.003.676
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí tài chính khác	5.911.945.984	11.912.559.516
Cộng	41.557.167.669	55.850.839.081

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚT TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.498.560.359	18.200.573.445
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng	1.498.560.359	18.200.573.445

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	3.403.620.975	80.613.431.701
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	43.239.391	40.793.138
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	79	1.976

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.282.244.232.404	335.474.706.031
Chi phí nhân công	122.167.069.847	105.577.882.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.266.959.428	70.221.130.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	268.319.475.709	744.182.302.697
Cộng	1.767.997.737.388	1.255.456.021.254

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

27.1 Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Công ty con	Góp vốn vào Công ty con	2.082.800.000
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Bán hàng	25.071.089.449
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Thu tiền bán hàng	23.919.753.888
Ông CHEN SIN SIANG	Chủ tịch HĐQT	Lương và thù lao	1.277.449.924
Ông HSU RONG SHENG	Thành viên HĐQT	Thù lao	179.140.959
Ông CHEN CHENG JEN	Thành viên HĐQT	Thù lao	179.140.959
Ông CHEN WEN CHIN	Thành viên HĐQT	Thù lao	179.140.959
Ông CHEN JO YUAN	Thành viên HĐQT	Thù lao	179.140.959
Ông HSU JONG CHIN	Thành viên HĐQT	Thù lao	179.140.959
Ông CHEN CHENG JEN	Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	1.234.066.831

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được tổ chức vào ngày 22/04/2013.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2012. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

1. Về sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 như sau:

Doanh thu năm 2012: **1.680,2 tỷ đồng**, tăng 15,69% so với năm 2011

- Lợi nhuận sau thuế năm 2012: **3,4 tỷ đồng**.

- Tỷ lệ cổ tức: **6%**

Với các chỉ tiêu được giao nói trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý và người lao động của Công ty trong năm đã có những nỗ lực rất lớn, cố gắng hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Cụ thể như sau:

<i>Đơn vị tính: đồng</i>		
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.680.221.486.409
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp (Công ty mẹ)	3.403.620.975
3	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Doanh thu thuần	0,21%
4	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Vốn Điều lệ	0,79%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam-AASCs) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty được Tổng giám đốc báo cáo như đã nêu trên.

2. Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, NaUy, v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

3. Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

4. Trích lập các quỹ

Theo điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không vượt quá (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

Trên đây là nội dung kết quả quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng

BAN KIỂM SOÁT



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3.8205 944 - (08) 3.8205 947- Fax : (08) 3.8205 942
Email: info@aascs.com.vn-Website:www.aascs.com.vn

Số: 104 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên

TẠ QUANG LONG

Chứng chỉ KTV số: 0649/KTV

THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông CHEN SIN SIANG – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1986 – 2012: Chủ tịch HĐQT công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ THUẬN LỢI

1994 – 2012: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông HSU RONG SHENG – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

1995 – 2012: Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 – 2012: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Ông CHEN CHENG JEN – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

1983 – 1995: Tổng Giám Đốc công ty CPHH ENGAR

1995 – 2012: Tổng Giám Đốc Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2007 – 2012: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

4. Ông HSU JONG CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1995-2006 : Phó Tổng Giám đốc công ty CPHH CN gốm sứ Chánh Phong.

2005-2012 : Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

5. Ông CHEN WEN CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1996-2006 : Phó giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

2007-2012 : Giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

2008-2012 : Trưởng khoa, giám đốc khoa quản lý học Chung Hua University

2012: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

6. Ông CHEN JO YUAN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

2006-2008 : kỹ sư XSTREAM Technology corp.

2008-2009: kỹ sư Wison Technology corporation

2009-2010: kỹ sư Quanta Computer Inc

2010-2012: kỹ sư HTC

2012: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông HSIEH JAN HWANG – Trưởng Ban kiểm soát

2006-2011 : CFO tài chính Công ty VEDAN-VN.

2012: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông CHENG YEU CHYI – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

2006-2009 : Giám đốc BP quản lý công ty gốm sứ Chánh Phong

2010-2012 : Giám đốc NCKT Unictron Technologies Corp

2012: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Ông CHIEN SU CHEN – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

1995-2012 : Kế toán Công ty Chen Shi

2012: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

- 1. Ông CHEN CHENG JEN – Tổng giám đốc (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)**
- 2. Ông PENG SHIH TING – Phó Tổng giám đốc Sản xuất**

Quá trình công tác:

1986 – 1996: Phó Giám đốc Sản xuất ngành Gạch gốm Kiên Tín-Đài Loan

1996 – 2012: Giám đốc BP Sản xuất Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần niêm yết:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Đã lưu ký:	3,022	9,689,791	22.41%
	Trong đó:			
1	Trong nước:	2,902	4,965,297	11.48%
	Cá nhân:	2,858	4,964,525	11.48%
	Tổ chức:	44	772	0.00%
2	Nước ngoài:	120	4,724,494	10.92%
	Cá nhân:	112	3,966,761	9.17%
	Tổ chức:	8	757,733	1.75%
II	Chưa lưu ký:	268	189,584	0.44%
	Trong đó:			
1	Trong nước:	262	76,484	0.18%
	Cá nhân:	260	58,272	0.13%
	Tổ chức:	2	18,212	0.04%
2	Nước ngoài:	6	113,100	0.26%
	Cá nhân:	4	12,110	0.03%
	Tổ chức:	2	100,990	0.23%
3	Cộng	3,290	9,879,375	22.85%

2. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần chưa niêm yết:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>1</i>	<i>62</i>	<i>0.00%</i>
	Cá nhân:	-	-	-
	Tổ chức:	1	62	0.00%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>21</i>	<i>33,371,011</i>	<i>77.17%</i>
	Cá nhân:	18	12,759,871	29.51%
	Tổ chức:	3	20,611,140	47.66%
3	Cộng	22	33,371,073	77.17%

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CHEN SIN SIANG